TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 627/2018/KDTM-ST
Ngày: 21-5-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Thông

Bà Huỳnh Thị Ngọc Vi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ – Thư ký của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Thân Trọng Minh Phương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 17 tháng 5 năm 2018 và ngày 21 tháng 5 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2016/KDTMST ngày 29 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1479/2018/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2734/2018/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP E
Địa chỉ: Tầng 8 Tòa nhà VC, số 72 LTT, phường BN, Quận 1, H

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:
VAMC
Địa chỉ: 22 HV, Phường LTT, quận HK, TP HN

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà TTAP, trú tại 74 CVA, phường TT, quận TP, TP H (Giấy ủy quyền số 36/2018/EIB/UQ-TGĐ ngày 13/3/2018) (có mặt)

Bị đơn: Bà LKH – Chủ DNTN Kinh doanh vàng KH1
Cư trú: 18B NĐC, Phường 13, Q PN, TP H (vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Ông LQTN, sinh năm 1960
Cư trú: 18B NĐC, Phường 13, Q PN, TP H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2014, các Bản tự khai ngày 29/01/2018, ngày 29/3/2018, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 29/3/2018, Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày

29/3/2018, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP E (gọi tắt là Ngân hàng E) trình bày là Ngân hàng E ký kết với Bà LKH – Chủ DNTN Kinh doanh vàng KH1 việc cấp hạn mức vay 5.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng (cho vay theo hạn mức) số 1401-LAV-200907177 ngày 09/9/2009. Các bên lập Biên bản sửa đổi bổ sung ngày 09/9/2011, Biên bản sửa đổi bổ sung lần 2 ngày 08/9/2012. Nội dung thỏa thuận ghi nhận là lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, phạt chậm trả lãi = [số tiền lãi chậm trả * lãi suất phạt (150% lãi suất cho vay trong hạn) * số ngày chậm trả]/30 (360 ngày nếu lãi suất vay là lãi suất năm). Mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng E đã giải ngân cho bà LKH số tiền 3.000.000.000 đồng với thời gian vay 6 tháng theo Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 1401-LDS-201204043 ngày 28/9/2012. Để bảo đảm khoản vay trên, bà LKH và ông LQTN đã thế chấp cho Ngân hàng E:

- Căn hộ A1.1 khu phố MKh 3-H11-2, phường TP, Quận 7, TP H của bà LKH (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 002950/HĐ-MBN/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp ngày 20/5/2009) theo Hợp đồng thế chấp số 28/EIB/SG-TS/TCTS/2009 ngày 09/9/2009 đã được công chứng số 041062 Quyển số 3 ngày 09/9/2009 tại Phòng Công chứng số 4 TP Hồ Chí Minh và Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 7 ngày 14/9/2009.

- Căn nhà số 18 B NĐC, Phường 3, quận PN, TP H đã được giải chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà LKH đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ từ ngày 28/03/2013. Ngân hàng E đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng bà LKH vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng E.

Ngày 12/6/2015 VAMC (gọi tắt là VAMC) và Ngân hàng E ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 3918/2015/MBN.VAMC2-NGÂN HÀNG E theo đó Ngân hàng E bán lại toàn bộ khoản nợ của bà LKH cho VAMC phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-200907177 ngày 09/9/2009, do đó VAMC trở thành người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng E trong vụ tranh chấp này và có yêu cầu bà LKH – Chủ DNTN Kinh doanh vàng KH1 và ông LQTN thanh toán cho VAMC toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/3/2018 là 6.402.458.333 đồng, trong đó nợ gốc là 3.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.471.833.333 đồng, lãi quá hạn là 930.625.000 đồng. Tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Nếu, bà LKH và ông LQTN không trả hoặc trả nợ không đầy đủ thì VAMC yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Căn hộ A1.1 khu phố MKh 3-H11-2, phường TP, Quận 7, TP H của bà LKH để VAMC thu hồi nợ. Nếu tài sản phát mãi mà không đủ thu hồi nợ thì bà LKH và ông LQTN tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi xong nợ.

Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bà LKH – Chủ DNTN Kinh doanh vàng KH1 và ông LQTN không đến Tòa án để kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tòa án đã mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ 1 vào ngày 20/4/2018 nhưng bà LKH – Chủ DNTN Kinh doanh vàng KH1 và ông LQTN vắng mặt. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và quyết định xét xử lần 2 vào ngày 17/5/2018.

Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng bà LKH và ông LQTN không có mặt chứng tỏ ông bà cố tình không giải quyết số nợ vay. Nguyên đơn có thay đổi một phần yêu cầu so với khởi kiện trước đây là chỉ yêu cầu bà LKH – Chủ DNTN Kinh doanh vàng KH1 (không yêu cầu ông LQTN phải chịu trách nhiệm liên đới) phải thanh toán ngay cho VAMC số nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 17/5/2018 là 6.494.333.333 đồng, trong đó nợ gốc là 3.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.533.083.333 đồng, lãi quá hạn là 961.250.000 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 18/5/2018 cho đến khi trả xong nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-200907177 ngày 09/9/2009 và Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 1401-LDS-201204043 ngày 28/9/2012. Nếu, bà LKH không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì VAMC yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Căn hộ A1.1 khu phố MKh 3-H11-2, phường TP, Quận 7, TP H của bà LKH và ông LQTN để VAMC thu hồi nợ. Nếu tài sản phát mãi mà không đủ thu hồi nợ thì bà LKH tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi hết nợ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do, bà LKH và ông LQTN vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn đã cung cấp các văn bản đòi nợ cũng như chứng từ chuyển tiền của bà LKH – Chủ DNTN Kinh doanh vàng KH1 cho DNTN Vàng KMTX số tiền vay 3.000.000.000 đồng; như vậy, nguyên đơn tiền vay cho bà Hg. Tại phiên tòa, Nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu là không yêu cầu ông LQTN liên đới với bà Hg chịu trách nhiệm thanh toán tiền vay cho nguyên đơn, còn phần yêu cầu bà Hg phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 6.494.333.333 đồng là phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 1401-LDS-201204043 ngày 28/9/2012. Quá hạn mà không thanh toán thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Căn hộ A1.1 khu phố MKh 3-H11-2, phường TP, Quận 7, TP H của bà LKH và ông LQTN để nguyên đơn thu hồi nợ là đúng với thỏa thuận giữa các bên và quy định của pháp luật. Đề nghị, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của đương sự, Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, tranh chấp phát sinh giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nhưng có đương sự (bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) ở nước ngoài (tại Úc), nên căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điểm a Khoản 3 Điều 38, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do bị đơn,

người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho nguyên đơn không biết nhằm mục đích che dấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn, nên Tòa án xác định bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành xét xử với địa chỉ sau cùng của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (tại Việt Nam) theo Điểm e Khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]- Về các yêu cầu và trách nhiệm của các đương sự:

- Căn cứ vào chứng cứ và lời trình bày nguyên đơn có đủ cơ sở để xác định:

+ Nguyên đơn và bị đơn là doanh nghiệp và cá nhân đã ký kết Hợp đồng tín dụng (cho vay theo hạn mức) số 1401-LAV-200907177 ngày 09/9/2009, Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 1401-LDS-201204043 ngày 28/9/2012 và hai bản Sao kê tài khoản ngày 28/9/2012, số tiền trong sao kê tài khoản là 3.000.000.000 đồng thể hiện bị đơn đã nhận từ nguyên đơn.

+ Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 28/EIB/SG-TS/TCTS/2009 ngày 09/9/2009 đã được công chứng số 041062 Quyển số 3 ngày 09/9/2009 tại Phòng Công chứng số 4 TP Hồ Chí Minh và Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 7 ngày 14/9/2009. Tài sản thế chấp nêu trên là Căn hộ A1.1 khu phố MKh 3-H11-2, phường TP, Quận 7, TP H của bà LKH theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 002950/HĐ-MBN/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp ngày 20/5/2009.

- Xét yêu cầu nguyên đơn:

+ Nguyên đơn rút một phần yêu cầu về việc không yêu cầu ông LQTN phải chịu trách nhiệm liên đới thì vấn đề này có cơ sở để được chấp nhận do phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 17/5/2018 là 6.494.333.333 đồng, trong đó nợ gốc là 3.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.533.083.333 đồng, lãi quá hạn là 961.250.000 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 18/5/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-200907177 ngày 09/9/2009, Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 1401-LDS-201204043 ngày 28/9/2012 và thời hạn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì vấn đề này có cơ sở chứng cứ để được chấp nhận do bị đơn đã vi phạm hợp đồng tín dụng nêu trên phù hợp Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Quá hạn mà bà LKH không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ thì VAMC được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Căn hộ A1.1 khu phố MKh 3-H11-2, phường TP, Quận 7, TP H của bà LKH theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 002950/HĐ-MBN/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp ngày 20/5/2009 để VAMC thu hồi nợ. Nếu tài sản phát mãi mà không đủ thu hồi nợ thì bà LKH tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi hết nợ.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chứng cứ để được chấp nhận do phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn có lỗi trong vụ tranh chấp này, nên phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điểm a Khoản 3 Điều 38, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm e Khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 1, Điều 2 Luật Thương mại năm 2005,

+ Áp dụng Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010,

+ Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009,

Tuyên xử:

1/- Đình chỉ một phần yêu cầu đối với ông LQTN liên đới với bà LKH – Chủ DNTN Kinh doanh vàng KH1 chịu trách nhiệm thanh toán tiền vay cho VAMC.

2/- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà LKH – Chủ DNTN Kinh doanh vàng KH1 có trách nhiệm thanh toán cho VAMC số nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 17/5/2018 là 6.494.333.333 *(Sáu tỷ bốn trăm chín mươi bốn triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba)* đồng, trong đó nợ gốc là 3.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.533.083.333 đồng, lãi quá hạn là 961.250.000 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 18/5/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-200907177 ngày 09/9/2009, Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 1401-LDS-201204043 ngày 28/9/2012.

Thời hạn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá hạn mà bà LKH không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ thì VAMC được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Căn hộ A1.1 khu phố MKh 3-H11-2, phường TP, Quận 7, TP H của bà LKH theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 002950/HĐ-MBN/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp ngày 20/5/2009 để VAMC thu hồi nợ. Nếu tài sản phát mãi mà không đủ thu hồi nợ thì bà LKH tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi hết nợ.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bà LKH chịu án phí sơ thẩm là 114.494.333 *(Một trăm mười bốn triệu bốn trăn chín mươi bốn ngàn ba trăm ba mươi ba)* đồng.

- Ngân hàng TMCP E (VAMC) không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP E 56.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AC/2014/0000060 ngày 05/12/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Dũng